TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN U MINH, TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **19**/2019/HNGĐ-ST
Ngày 25-4-2019
V/v tranh chấp ly hôn và nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U MINH, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Ông Dương Minh Út.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Hải Hưng.

Ông Trần Công Đẳng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Lụa là Thư ký Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.

Ngày 25 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 367/2018/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 12 năm 2018 về tranh chấp ly hôn và nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 02 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Dư Diễm M, sinh năm 1997 (có mặt).
Nơi cư trú: Ấp 14, xã K, huyện M, tỉnh Cà Mau.

- *Bị đơn:* Anh Danh Bé T, sinh năm 1984 (vắng mặt).
Nơi cư trú: Ấp 7, xã N, huyện M, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 29-10-2018 cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Dư Diễm M trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Dư Diễm M và anh Danh Bé T tự nguyện xác lập quan hệ hôn nhân và có đăng ký kết hôn tại UBND xã K, huyện M, tỉnh Cà Mau ngày 09-5-2017. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm, thường xuyên cự cãi, anh T thường xuyên đánh chị M; không thể hàn gắn; vợ chồng đã ly thân từ tháng 4 năm 2018 cho đến nay. Nay chị M yêu cầu ly hôn với anh T.

Về con chung: Chị M và anh T có 01 con chung tên Dư V (nam), sinh

ngày 03-4-2018, hiện nay chị M đang trực tiếp nuôi dưỡng. Khi ly hôn, chị M yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng con; không yêu cầu anh T thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị M xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án đã tống đạt các văn bản tố tụng cho bị đơn đúng theo quy định pháp luật nhưng anh Danh Bé T không có văn bản thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn và cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Danh Bé T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên xem như từ bỏ quyền của mình tại phiên tòa. Vì vậy, Tòa án căn cứ khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt anh T.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Dư Diễm M và anh Danh Bé T tự nguyện xác lập quan hệ hôn nhân và có đăng ký kết hôn tại UBND xã K, huyện M, tỉnh Cà Mau ngày 09-5-2017 đúng theo quy định tại Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình 2014. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị M và anh T được pháp luật công nhận là hôn nhân hợp pháp và bảo vệ.

[3] Xét yêu cầu ly hôn của chị M, thấy rằng: Tại phiên tòa, chị M xác định vợ chồng đã ly thân từ tháng 4 năm 2018 cho đến nay; hiện nay chị không còn tình cảm yêu thương anh T và thể hiện sự quyết tâm mong muốn được ly hôn. Đồng thời, chị M khẳng định đời sống hôn nhân không thể duy trì, mâu thuẫn giữa vợ chồng không thể hàn gắn đoàn tụ. Trường hợp tiếp tục chung sống sẽ không mang lại hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu của chị M được ly hôn với anh T.

[4] Về nuôi con chung: Chị M yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng cháu Dư V; không đặt ra nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Quá trình giải quyết vụ án, anh T không có văn bản ý kiến về quyền và nghĩa vụ nuôi con chung; từ khi ly thân đến nay anh T cũng không đến thăm nom con. Hơn nữa, hiện nay cháu V còn rất nhỏ nên cần sự quan tâm chăm sóc trực tiếp của người mẹ. Như đã phân tích, cần giao cháu Dư V cho chị M trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh T không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Chị M không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét trong vụ án này.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Chị M xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Về án phí: Chị Dư Diễm M phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của chị M, theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 4 Điều 147, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 51, 56, 81 và 82 của Luật hôn nhân và gia đình;

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Dư Diễm M ly hôn với anh Danh Bé T.

- Về nuôi con chung: Giao con chung là Dư V (nam), sinh ngày 03-4-2018 cho chị Dư Diễm M trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục; không đặt ra nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Anh Danh Bé T không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị Dư Diễm M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Chị Dư Diễm M phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Ngày 25 tháng 12 năm 2018, chị M đã dự nộp án phí 300.000 đồng tại biên lai số 0004119 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh, tỉnh Cà Mau, được chuyển thu.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Chị Dư Diễm M có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Danh Bé T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết công khai bản án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện U Minh;
- Chi cục THADS huyện U Minh;
- UBND xã K, huyện M;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn thư.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Dương Minh Út